

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Thị trường có phiên điều chỉnh thứ 4 liên tiếp với thanh khoản sụt giảm

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Cả 4 HĐTL đều giảm điểm trong phiên hôm nay

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

VIC, GAS, FPT

[Cập Nhật Công Ty]

FPT

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị chưa vội tăng tỷ trọng trở lại quá sớm, ít nhất là cho đến khi chỉ số VNIndex về lại vùng hỗ trợ kế tiếp tại quanh 940 điểm.

18/12/2019

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	951.13	-0.30
VN30	863.16	-0.49
HĐTL VN30	861.50	-0.75
HNXIndex	101.80	-1.07
HNX30	181.31	-0.97
UPCoM	55.30	-0.05
USD/VNĐ	VND23,174	-0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.51	+0
Lãi suất qua đêm (%)	2.84	-7
Dầu (WTI, \$)	60.94	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,477.74	+0.10



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 951.13 (-0.30%)
KLGD (triệu CP) 183.0 (-22.3%)
GTGD (triệu US\$) 147.2 (-24.0%)

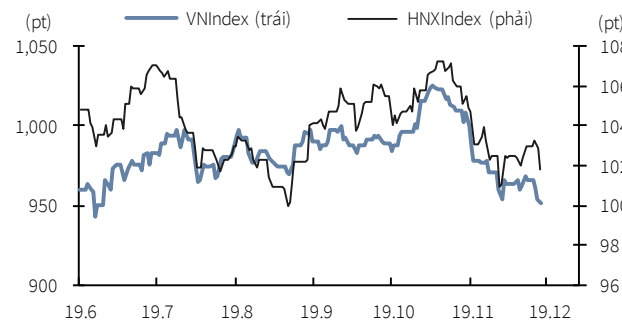
HNXIndex 101.80 (-1.07%)
KLGD (triệu CP) 41.9 (-4.9%)
GTGD (triệu US\$) 15 (+35.9%)

UPCoM 55.30 (-0.05%)
KLGD (triệu CP) 8.9 (+1.1%)
GTGD (triệu US\$) 5.2 (+34.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -1.1

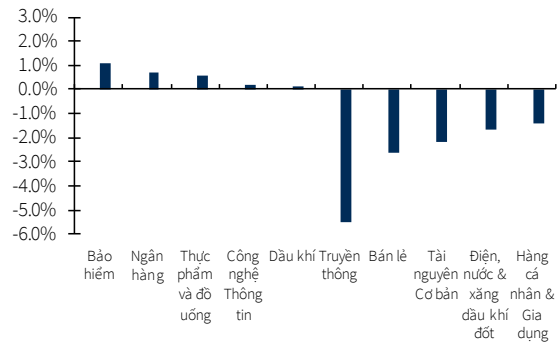
Thị trường có phiên điều chỉnh thứ 4 liên tiếp với thanh khoản sụt giảm và độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về số mã giảm điểm. Diễn biến ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đã bớt tiêu cực hơn, với một số cổ phiếu trụ cột đã bắt đầu giao dịch tích cực trở lại như VNM, VCB, MSN... Xét riêng trong rổ cổ phiếu VN30 có 8 mã tăng và 19 mã giảm điểm. Đáng chú ý, sau giai đoạn tăng trưởng mạnh về giá, nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao bất ngờ lao dốc trên diện rộng trong phiên hôm nay, với các mã giảm sàn như AMD, KLF, HAR, HAI... Khối nhà đầu tư nước ngoài bán ròng nhẹ, tập trung ở HPG, STB, KBC...

VN Index & HNX Index



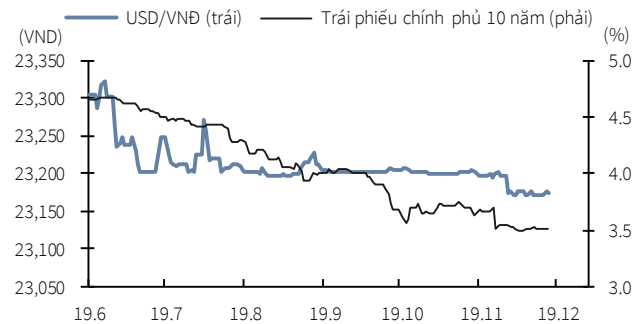
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	863.16 (-0.49%)
VN30 tương lai	861.5 (-0.75%)
Mở cửa	867.0
Cao nhất	868.0
Thấp nhất	860.7
Hợp đồng	76,760 (+0.8%)
KL HĐ mở OI	19,057 (+1.0%)

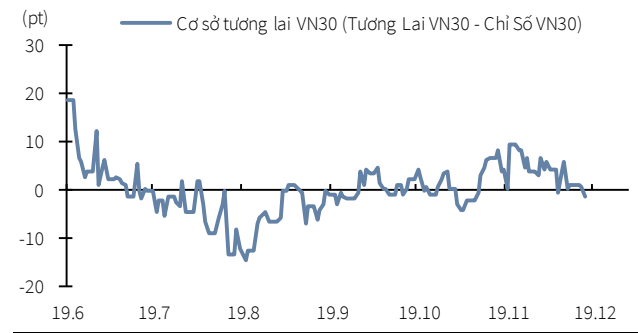
Cả 4 HĐTL đều giảm điểm trong phiên hôm nay, phù hợp với diễn biến giảm của chỉ số VN30 Index. Thanh khoản và khối lượng HĐ mở của HĐ F1912 đều tăng nhẹ trước ngày đáo hạn phiên mai. Tương tự, thanh khoản và khối lượng HĐ mở của HĐ F2001 cũng tăng mạnh, cho thấy nhà đầu tư đã bắt đầu đẩy mạnh việc mở vị thế cho HĐ kế tiếp. Chênh lệch giữa các HĐ và chỉ số VN30 tăng nhẹ (ở mức 1.6 đến 13 điểm tùy HĐ), tuy nhiên vẫn ở mức thấp.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



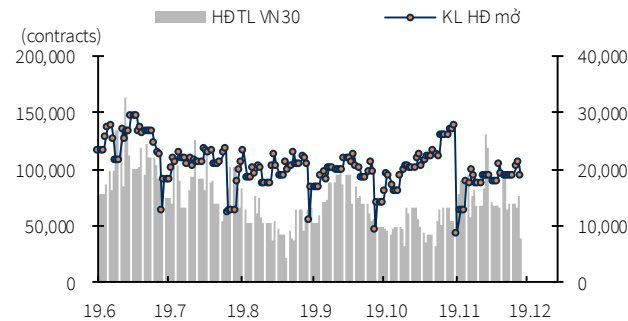
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



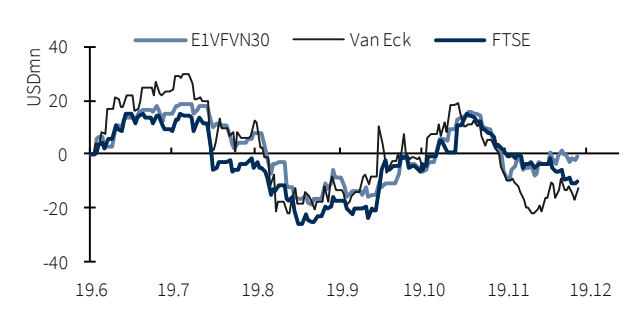
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

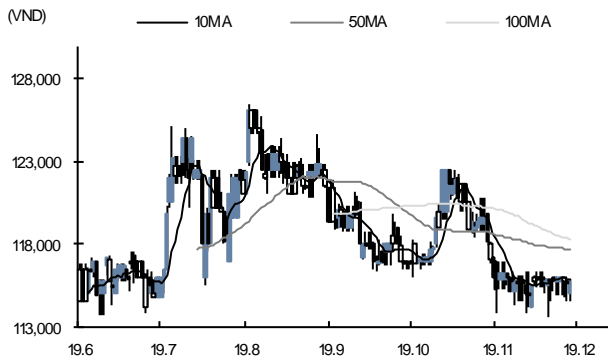
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

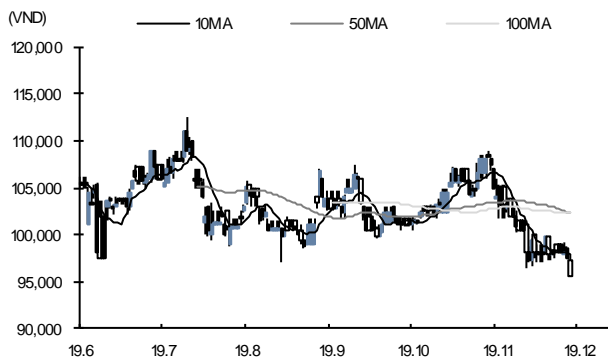
Vingroup (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC đi ngang đóng cửa ở mức 115,800 VNĐ/cp.
- VIN thực hiện bước tiếp theo trong kế hoạch rút hoàn toàn khỏi bán lẻ, thông qua việc giải thể điện máy VinPro, sáp nhập Adayroi vào VinID. Đại diện doanh nghiệp cho biết mục đích của động thái này nhằm tập trung hết nguồn lực cho mảng Công nghệ và Công nghiệp hiện có VinFast và VinSmart.

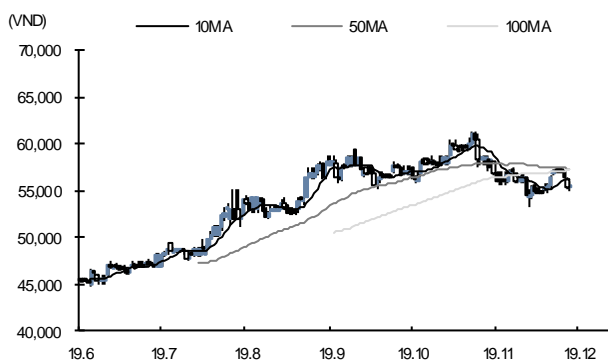
PV GAS (GAS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GAS giảm 2.1% xuống mức 95,500 VNĐ/cp.
- GAS vừa cho biết, tổng doanh thu năm 2019 của công ty ước đạt 76.558 tỷ đồng, lợi nhuận 13.945 tỷ đồng, lần lượt tăng 20% và 46% so với kế hoạch đặt ra hồi đầu năm. Theo lãnh đạo PV GAS, nguyên nhân khiến doanh thu và lợi nhuận cán đích sớm trước 2-3 tháng và vượt kế hoạch ban đầu phần lớn là nhờ hưởng lợi từ giá dầu tăng cao do tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Mức bình quân của giá dầu trong 2019 luôn đạt 65 USD một thùng, tăng 5 USD so với kế hoạch mà GAS xây dựng. Năm 2020, doanh nghiệp đặt kế hoạch doanh thu 66.163 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 8.294 tỷ đồng, giảm mạnh so với kết quả đạt được năm 2019.

Tập đoàn FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 0.2% lên mức 55,500 VNĐ/cp.
- FPT mới đây công bố kết quả kinh doanh 11T/2019. Lũy kế 11 tháng, doanh thu thuần đạt 24.533 tỷ VND, tăng 19.74% yoy; LNTT đạt 4,439 tỷ VND, tăng 24.3% yoy. Như vậy, sau 11 tháng, FPT đã hoàn thành 92.1% kế hoạch doanh thu và 99.4% kế hoạch lợi nhuận

18/12/2019

Chuyên viên phân tích Công nghệ & Logistic
Nguyễn Anh Tùng
Tungna@kbsec.com.vn

Kết quả kinh doanh 11T/2019 – CTCP FPT (HSX-FPT)

Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trước 1 tháng

FPT đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm với LNTT lũy kế 11 tháng đạt 4,439 tỷ VND.

— Ngày 16/12/2019, FPT công bố kết quả kinh doanh 11T/2019. Lũy kế 11 tháng, doanh thu thuần đạt 24.533 tỷ VND, tăng 19.74% yoy; Biên LNTT đạt 18.1%, tăng nhẹ so với năm 2018 đạt 17.4%. LNTT đạt 4,439 tỷ VND, tăng 24.3% yoy. Như vậy, sau 11 tháng, FPT đã hoàn thành 92.1% kế hoạch doanh thu và 99.4% kế hoạch lợi nhuận.

LNTT khối Công nghệ tăng 34.9% yoy nhờ động lực từ mảng xuất khẩu phần mềm.

— Doanh thu tháng 11 của khối Công nghệ đạt 1,474 tỷ VND, tăng 16.2% yoy; LNTT tháng 11 đạt 188 tỷ VND, tăng 1.1% yoy. Lũy kế 11 tháng, doanh thu đạt 13,798 tỷ VND, tăng 23% yoy; LNTT đạt 1,895 tỷ VND, tăng 34.9% yoy.

— Mảng xuất khẩu phần mềm tiếp tục tăng trưởng mạnh với doanh thu tháng 11 đạt 1,036 tỷ VND, tăng 32% yoy; LNTT đạt 187 tỷ VND, tăng 37.5% yoy. Lũy kế 11 tháng, doanh thu mảng xuất khẩu phần mềm tăng 31.5% yoy; LNTT tăng 35.8% yoy. Trong khi đó, mảng CNTT trong nước tiếp tục cho thấy sự thiếu ổn định với doanh thu tháng 11 đạt 438 tỷ VND, giảm 9.4% yoy; LNTT chỉ đạt 1 tỷ VND, giảm 98% yoy. Lũy kế 11 tháng, doanh thu mảng CNTT trong nước đạt 3,981 tỷ VND, tăng 6.3% yoy; biên LNTT được cải thiện, tăng từ 5.5% lên 6.8% nhờ tập trung khai thác mảng phần mềm thay cho phần cứng, giúp LNTT đạt 270 tỷ VND, tăng 29.8% yoy.

LNTT khối Viễn Thông tăng 16.4% yoy nhờ mảng Dịch vụ Viễn Thông.

— Doanh thu tháng 11 của khối Viễn Thông đạt 983 tỷ VND, tăng 19.3% yoy; LNTT tháng 11 đạt 172 tỷ VND, tăng 23.7%. Lũy kế 11 tháng, doanh thu đạt 8,062 tỷ VND, tăng 16.7% yoy; LNTT đạt 1,403 tỷ VND, tăng 16.4% yoy.

— Mảng dịch vụ Viễn Thông ghi nhận kết quả kinh doanh tháng 11 tốt với doanh thu tăng 19.8% yoy và LNTT tăng 42.9% yoy. Lũy kế 11 tháng, doanh thu mảng Dịch vụ Viễn thông đạt 8,869 tỷ VND, tăng 17% yoy; LNTT đạt 1,112 tỷ VND, tăng 21.4% yoy. Trong khi đó, doanh thu dịch vụ quảng cáo tăng 12.4% yoy và LNTT mảng dịch vụ quảng cáo giảm nhẹ 2.7% yoy.

LNTT khối Giáo dục & Đầu tư ước tính tăng 19.4% yoy.

— Theo ước tính của chúng tôi, doanh thu khối Giáo dục & Đầu tư lũy kế 11 tháng tăng 9.3% yoy; LNTT tăng 19.4% yoy. Tổng số học sinh tính đến hết tháng 11 đạt 49,500 học sinh, tăng 35% so với cùng kỳ.

Mảng Công Nghệ vẫn là động lực tăng trưởng chính trong năm 2020, tăng trưởng mảng Viễn Thông sẽ chậm lại.

— Theo quan điểm của chúng tôi, sẽ không có nhiều biến động đối với kết quả kinh doanh của FPT trong tháng 12 so với các tháng trước. Đối với năm 2020, chúng tôi dự phóng mảng công nghệ sẽ tiếp tục tăng trưởng trên 25% với động lực tăng trưởng chính từ mảng xuất khẩu phần mềm trong khi mảng Viễn Thông có thể sẽ tăng trưởng chậm lại, dưới 15% do áp lực cạnh tranh cao của ngành Viễn Thông và thực trạng bão hòa tại thị trường các thành phố lớn.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

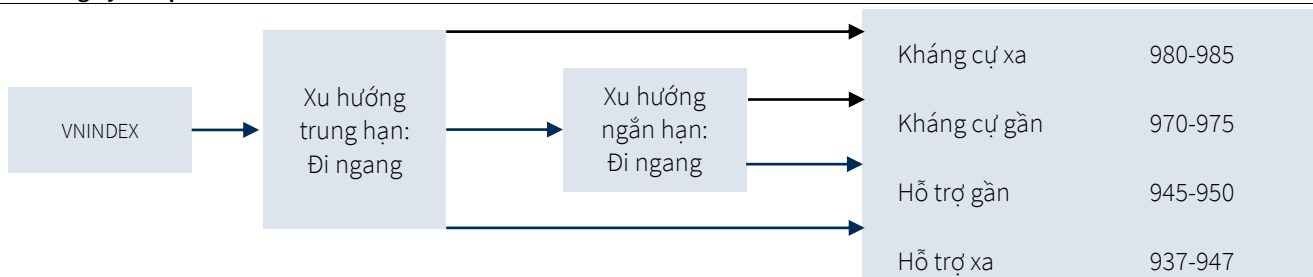
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VNIndex tiếp tục trải qua nhịp sụt giảm, chớm phá đáy 950 trong phiên trước khi lấy lại 1 phần điểm số đã mất về cuối phiên. Diễn biến này giúp hình thành mẫu nến doji tại ngay sát vùng đáy cũ và mở ra cơ hội phục hồi kỹ thuật cho chỉ số.
- Tuy nhiên, ngay sau khi vừa kết thúc 1 nhịp hồi phục ngắn hạn (đã đủ thời gian kỳ vọng), khả năng tạo đáy thành công tại vùng điểm hiện tại chưa được đánh giá cao.
- NĐT được khuyến nghị chưa vội tăng tỷ trọng trở lại quá sớm, ít nhất là cho đến khi chỉ số VNIndex về lại vùng hỗ trợ kế tiếp tại quanh 940 điểm.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VN30 tiếp tục xác lập đáy ngắn hạn mới và chớm phá vỡ kênh xu hướng tăng thoải trung hạn từ đầu năm.
- Mặc dù, kênh xu hướng chưa hoàn toàn bị phá vỡ và cơ hội hồi phục T+ vẫn để ngỏ trong một vài phiên tới nhưng chúng tôi tiếp tục nghiêng về xu hướng giảm của chỉ số.
- Vùng quanh 855 là ngưỡng hỗ trợ tạm thời có thể giúp chỉ số này có nhịp hồi T+.
- NĐT được khuyến nghị áp dụng các chiến lược trading theo chiều giá xuống, canh mở vị thế Short tại các nhịp hồi phục sớm (trước khi VN30 về lại vùng hỗ trợ đã đề cập).

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

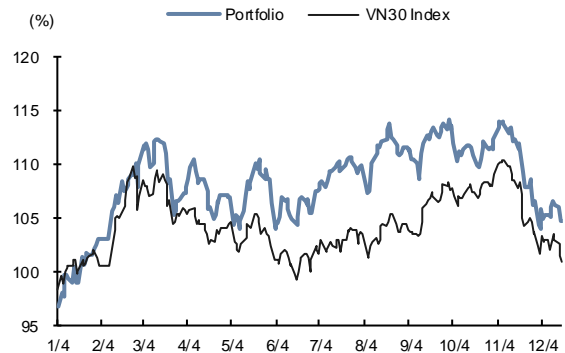
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.49	-0.4
Tăng lũy kế (YTD)	0.96	4.67

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 18/12/2019	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	110,000	-2.9%	-5.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,950	0.7%	0.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	80,900	-1.6%	5.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,000	-0.2%	6.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	35,900	-0.3%	5.6%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	55,500	0.2%	44.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Gemadep Corp (GMD)	22/08/2018	23,550	0.2%	-11.6%	- Hoạt động kinh doanh chính kỳ vọng tăng trưởng trở lại - Dự án Nam Định Vũ giai đoạn 1 thúc đẩy tăng trưởng doanh thu - Mảng logistic sẽ tăng trưởng với sự hỗ trợ từ đối tác CJ Logistic
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	17,300	-0.3%	-8.7%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	22,550	-2.6%	-3.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	17,800	1.1%	0.8%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	1.3%	20.0%	77.9
VCB	1.6%	58.6%	27.4
E1VFN30	-0.9%	32.7%	22.4
BID	1.3%	98.8%	22.2
DXG	-0.4%	18.0%	6.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TIG	6.6%	2.2%	1.0
VCS	-0.6%	1.7%	0.5
SHS	0.0%	13.7%	0.4
PVI	-0.6%	8.0%	0.3
DP3	0.1%	8.9%	0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	6.3%	BVH, BIC
Truyền thông	3.5%	YEG, PNC
Dầu khí	1.9%	PLX, PVD
Ngân hàng	1.0%	BID, VCB
Hóa chất	0.4%	PHR, HAI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	4.2%	TCH, HHS
Bảo hiểm	2.0%	BVH, PGI
Y tế	0.8%	DCL, VMD
Tài nguyên Cơ bản	-0.3%	HSG, NKG
Ngân hàng	-0.9%	BID, VCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	115,800	390,081 (16,833)	48,376 (2.1)	21.9	74.5	43.9	44.1	6.1	8.1	5.0	4.5	0.0	-0.1	-1.9	21.5
	VHM	VINHOMES JSC	83,900	275,990 (11,909)	199,154 (8.6)	34.0	14.6	10.5	35.0	33.5	35.9	4.7	3.2	-1.9	-7.9	-12.9	14.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	31,950	74,406 (3,211)	158,066 (6.8)	16.3	26.9	21.1	8.5	9.6	10.8	2.5	2.3	-2.9	-8.7	-9.2	14.5
	NVL	NOVA LAND INVES	55,600	52,767 (2,277)	20,091 (0.9)	31.4	18.2	17.2	-4.3	14.6	12.1	2.3	-	-0.7	-0.7	-4.5	-13.4
	KDH	KHANGDIENHOUSE	26,250	14,291 (617)	9,222 (0.4)	4.5	15.4	11.7	20.7	12.9	15.0	1.9	1.7	-1.3	-1.9	0.8	3.4
	DXG	DAT XANH GROUP	14,000	7,364 (314)	22,906 (1.0)	3.5	5.1	4.9	3.3	18.6	18.2	0.9	0.9	-0.4	-1.4	-9.7	-25.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	86,700	321,560 (13,876)	52,290 (2.3)	6.2	19.6	15.3	24.5	24.4	24.4	3.9	3.1	1.6	0.9	-1.0	62.1
	BID	BANK FOR INVESTM	42,000	168,925 (7,289)	27,258 (1.2)	12.0	26.8	19.1	15.9	12.9	14.1	2.2	2.0	1.3	4.7	1.7	22.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,700	79,453 (3,429)	27,104 (1.2)	0.0	8.4	7.2	8.5	16.8	16.5	1.3	1.1	-0.2	0.0	-7.2	-12.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,150	75,027 (3,238)	59,760 (2.6)	0.6	10.1	8.1	30.5	10.8	13.4	1.0	0.9	-0.5	1.5	-5.8	4.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,250	46,330 (1,999)	22,921 (1.0)	0.0	6.1	5.0	13.6	20.5	20.8	1.1	0.9	-0.3	0.0	-9.2	-3.5
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,000	48,839 (2,108)	73,432 (3.2)	0.0	6.5	5.6	18.8	21.2	21.0	1.3	1.1	-0.2	-3.7	-7.1	16.6
	HDB	HDBANK	26,450	25,947 (1,120)	39,208 (1.7)	6.2	8.2	7.0	12.8	18.7	19.5	1.4	1.3	-1.9	-5.5	-7.8	-12.7
	STB	SACOMBANK	9,940	17,928 (774)	24,717 (1.1)	11.4	8.2	6.1	56.6	8.6	10.3	0.7	0.6	-1.1	-1.1	-6.2	-16.8
	TPB	TIENPHONGCOMME	20,800	17,193 (742)	3,624 (0.2)	0.0	6.9	5.4	33.5	21.8	22.4	1.3	1.1	-1.0	-1.0	-6.3	4.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,950	20,839 (899)	1,685 (0.1)	0.0	27.1	26.4	9.4	5.1	8.0	1.3	1.3	-0.3	1.5	-9.6	20.6
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	73,000	51,165 (2,208)	11,563 (0.5)	23.7	42.4	31.9	19.2	8.3	9.6	3.0	2.8	1.1	7.4	0.0	-18.0
	BMI	BAOMINHINSURANC	24,700	2,256 (997)	999 (0.0)	11.5	26.4	-	-	7.9	-	991.6	-	0.2	-1.6	-4.6	19.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,400	9,348 (403)	24,698 (1.1)	44.6	4.6	4.2	33.9	9.6	10.5	0.9	0.8	-1.3	-3.2	-12.4	-31.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	29,500	4,848 (209)	3,347 (0.1)	62.8	7.8	8.1	-14.5	16.0	13.9	1.2	1.1	-4.4	-6.3	-13.1	-36.6
	HCM	HOCHIMINH CITY	22,200	6,782 (293)	19,668 (0.8)	43.0	18.9	13.1	-16.4	9.8	11.5	1.6	1.4	-2.6	-2.2	-8.3	-6.8
	VND	VN DIRECT SECURIT	14,500	3,024 (130)	2,652 (0.1)	8.5	9.5	8.3	-4.2	11.4	12.3	1.0	0.9	0.3	4.3	3.6	-11.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	118,600	206,527 (8,912)	112,619 (4.9)	41.5	21.2	20.0	6.9	38.7	38.1	7.4	6.7	1.3	0.0	-1.8	-1.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	233,000	149,419 (6,448)	8,295 (0.4)	36.7	29.6	24.1	25.1	33.5	36.0	8.8	7.7	0.0	0.0	-7.9	-12.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	56,400	65,929 (2,845)	79,064 (3.4)	9.9	14.7	12.6	-1.7	13.9	14.5	1.9	1.7	0.5	1.3	-24.2	-27.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,400	15,963 (689)	5,067 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-0.3	-2.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	142,700	74,752 (3,226)	62,640 (2.7)	10.4	13.7	11.7	6.4	38.0	37.3	4.6	3.6	0.1	-0.8	-0.6	18.9
	GMD	GEMADEPT CORP	23,550	6,993 (302)	5,069 (0.2)	0.0	12.7	11.9	-44.5	9.5	9.7	1.1	1.1	0.2	2.8	-5.6	-9.9
	CII	HOCHIMINH CITY	22,700	5,626 (243)	6,620 (0.3)	19.1	11.1	10.1	147.6	11.0	12.2	-	-	-0.2	0.9	-5.4	-13.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	24,000	13,622 (588)	775,785 (33.5)	45.5	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.4	-4.8	-38.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,750	9,643 (416)	15,985 (0.7)	33.1	7.9	10.0	-2.5	13.2	13.3	1.5	1.4	0.0	-0.8	-4.4	2.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	61,700	4,707 (203)	3,720 (0.2)	1.2	7.0	7.4	-30.7	8.6	7.8	0.6	0.5	-0.3	-1.3	-12.7	-61.4
	REE	REE	35,900	11,131 (480)	22,415 (1.0)	0.0	6.3	6.1	1.1	16.8	15.9	1.0	0.9	-0.3	-2.4	-3.9	16.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	95,500	182,782 (7,887)	30,382 (1.3)	45.4	15.1	15.1	2.4	25.9	25.7	3.8	3.5	-2.1	-2.7	-12.0	10.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,200	6,391 (276)	7,324 (0.3)	30.3	8.7	8.8	-1.6	19.8	19.1	1.7	1.7	-1.1	-1.3	-4.3	-9.8
	PPC	PHALAI THERMAL	28,200	9,041 (390)	10,628 (0.5)	32.8	10.0	9.8	-9.1	16.5	16.3	1.6	1.5	-1.1	-0.7	2.5	55.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,550	62,262 (2,687)	148,487 (6.4)	10.9	8.5	6.7	7.0	16.9	18.2	1.3	1.1	-2.6	-7.6	-1.5	-5.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,200	5,166 (223)	3,047 (0.1)	30.0	20.0	12.2	-18.4	3.6	6.0	0.6	0.6	-1.9	0.0	-5.4	-40.8
	DCM	PETROCA MAU FER	6,670	3,531 (152)	965 (0.0)	46.6	8.9	10.8	-	6.4	5.3	0.6	0.6	-0.1	0.5	-4.7	-35.2
	HSG	HOA SENG GROUP	8,070	3,415 (147)	37,505 (1.6)	31.4	9.0	6.9	-6.4	6.7	8.0	0.5	0.5	-0.2	-3.0	2.2	36.4
	AAA	AN PHAT PLASTIC	13,850	2,371 (102)	23,849 (1.0)	37.1	6.2	6.2	49.2	16.4	16.3	0.8	0.8	-0.4	-1.1	-7.0	-5.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	55,600	66,209 (2,857)	9,252 (0.4)	6.6	17.0	16.5	10.2	19.4	20.0	3.1	3.1	0.0	1.6	-6.1	4.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	15,150	6,380 (275)	26,186 (1.1)	28.8	39.6	28.8	21.2	1.3	1.8	0.5	0.5	1.7	4.8	-7.9	14.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,600	4,672 (202)	6,054 (0.3)	17.3	10.3	7.2	3.1	13.2	13.4	0.9	0.8	-0.6	1.2	-6.2	5.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	110,000	48,696 (2,101)	66,602 (2.9)	0.0	13.1	10.4	25.6	34.4	32.1	4.0	3.1	-2.9	-2.7	-6.6	26.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	80,900	18,005 (777)	28,956 (1.2)	0.0	16.2	13.6	20.7	27.8	28.2	3.9	3.2	-1.6	-3.8	-4.1	15.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	39,000	1,151 (050)	1,082 (0.0)	67.7	-	23.5	-40.0	-4.1	3.6	0.9	0.8	-6.7	3.2	-20.4	-83.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	26,600	2,101 (091)	2,885 (0.1)	1.3	6.5	6.2	0.0	25.7	22.8	1.5	1.3	-0.2	-1.8	-22.8	-57.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	52,400	7,100 (306)	22,191 (1.0)	42.5	6.6	6.5	31.3	30.8	35.3	2.3	2.0	0.6	1.7	-7.3	56.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	94,500	12,356 (533)	1,214 (0.1)	45.6	20.8	19.5	4.0	20.1	20.0	3.7	3.5	-0.1	-0.8	-0.5	19.6
	PME	PYME PHARCO JSC	54,000	4,051 (175)	518 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-1.5	-1.5	-1.6	-15.0
IT	FPT	FPT CORP	55,500	37,644 (1,624)	77,079 (3.3)	0.0	11.9	10.1	24.3	24.0	24.7	2.5	2.2	0.2	-1.8	-3.5	44.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfsg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.